

HỘ KINH DOANH
ĐỨC ĐỊNH – TRÀ VINH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

“CỬA HÀNG ĐỨC ĐỊNH – TRÀ VINH”

Hòa Lợi, tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	4
1. Tên chủ cơ sở:	4
2. Tên cơ sở:	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	5
4.1. Nguyên liệu.....	5
4.2. Nhiên liệu	6
4.3. Phế liệu.....	6
4.4. Điện năng, nước, hóa chất sử dụng	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	6
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	7
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có) ...	7
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	9
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	9
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	11
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	11
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	11
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	11
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	12
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):	12
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	13
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):.....	13
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	13
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	14
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	14
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	14
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	16
1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	16
2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	16
3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	16
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	17
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	18
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	19
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	20

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn	10
Bảng 1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực cơ sở	15

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Đức Định – Trà Vinh

- Địa chỉ văn phòng: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Văn Tám, Chức vụ: Chủ hộ.

- Điện thoại: 098.980.1464.

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 58C8004246 do Phòng Tài chính - Kế hoạch của UBND huyện Châu Thành cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/7/2018.

2. Tên cơ sở: Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh

- Địa điểm cơ sở: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tờ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Đông: giáp rạch nội đồng

+ Phía Tây: giáp nhà dân (nhà nghỉ Phước Lộc)

+ Phía Nam: giáp đất trống (thuộc phần đất thuê của chủ hộ).

+ Phía Bắc: giáp đường Nguyễn Thiện Thành

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có): Không có (cơ sở không thuộc đối tượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; không có giấy phép môi trường thành phần).

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công thì cơ sở “Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh” thuộc dự án nhóm C (cơ sở có vốn đầu tư 300 triệu đồng)

thuộc nhóm công nghiệp khác thuộc điểm d Khoản 4 Điều 8 và Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công) và căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thì cơ sở “Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh” thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND huyện Châu Thành (cơ sở thuộc nhóm III thuộc số thứ tự 02 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở thực hiện kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng và gia công cán tole. Quy mô công suất hoạt động trung bình khoảng 30 tấn/tháng.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Mua bán vật liệu xây dựng: vật liệu xây dựng → Nhập về, lưu tại cơ sở → Giao cho khách hành có nhu cầu.

- Gia công cán tole: tole → máy cán → tôn thành phẩm → giao cho khách hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Vật liệu xây dựng, tole cán theo yêu cầu.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu

- Đối với vật liệu xây dựng: chỉ thực hiện nhập, lưu và xuất bán; do đó, nguyên liệu cũng chính là sản phẩm.

- Đối với tole cán thành phẩm: nguyên liệu là tole

Nguồn cung cấp chủ yếu từ các đại lý cấp 1, nhà máy sản xuất phân phối về cơ sở.

4.2. Nhiên liệu

Hoạt động của cơ sở chủ yếu sử dụng nhiên liệu cho phương tiện vận chuyển hàng hóa, với khối lượng sử dụng khoảng 500 lít/tháng. Nguồn nhiên liệu sử dụng: cơ sở kinh doanh xăng dầu trên các tuyến đường.

4.3. Phế liệu

Cơ sở không sử dụng phế liệu cho hoạt động sản xuất.

4.4. Điện năng, nước, hóa chất sử dụng

- Sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất (chủ yếu là máy cán tôn) và thắp sáng; khối lượng sử dụng khoảng 1.400 kWh/tháng (điện 03 pha); nguồn cung cấp: Công ty Điện lực Trà Vinh.

- Sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của công nhân (vệ sinh tay chân, đi vệ sinh); khối lượng sử dụng khoảng 15 m³/tháng; nguồn cung cấp: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

- Cơ sở không sử dụng hóa chất cho hoạt động sản xuất.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Cơ sở bắt đầu hoạt động từ năm 2018 đến nay.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

** Về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường*

Hiện tại khu vực dự án chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

** Về lĩnh vực đầu tư, kinh doanh*

Loại hình và địa điểm cơ sở đã được cơ quan quản lý đầu tư chứng nhận (Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 58C8004246 do Phòng Tài chính - Kế hoạch của UBND huyện Châu Thành cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/7/2018)

** Về sự phù hợp về sử dụng đất*

Hộ kinh doanh Đức Định – Trà Vinh thực hiện hợp đồng thuê đất của ông Huỳnh Văn Nhân và vợ là bà Trần Thị Ngọc Diệp để đầu tư thực hiện cơ sở Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh (Đính kèm phụ lục Hợp đồng thuê đất). Diện tích thực hiện cơ sở là 1.100 m² nằm trên khu đất có tổng diện tích 3.051 m² (bao gồm thửa đất số 921, tờ bản đồ số 39 (mục đích sử dụng: đất ở 342 m², đất trồng lúa nước 665,0 m²) và thửa đất số 919, tờ bản đồ số 39 (diện tích 2.044 m², mục đích sử dụng đất trồng lúa)).

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt (10 công nhân) với lưu lượng thấp khoảng 0,8 m³/ngày, được xử lý qua hầm tự hoại, hầm lắng và thuê đơn vị có

Báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường “Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh”

chức năng hút hầm định kỳ (02 lần/năm). Cơ sở không phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất ra nguồn tiếp nhận.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa mái nhà (thu gom qua máng xối) + nước mưa sân đường → chảy tràn trên bề mặt → thoát về khu vực phía sau (trên phạm vi cơ sở), đảm bảo không để chảy tràn qua nhà dân kế bên.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt (từ hoạt động đi vệ sinh, nước giặt giũ quần áo, nước rửa tay) và được thu gom xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt → hầm tự hoại (01 hầm tự hoại, 4 m³/hầm) → thuê đơn vị có chức năng hút hầm định kỳ (02 lần/năm).

1.3. Xử lý nước thải

Quy trình xử lý nước thải tại hầm tự hoại như sau :

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của công nhân sẽ được thu gom về hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý (01 hầm tự hoại, 4 m³/hầm). Nước thải vào bể tự hoại và đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn. Cấu tạo bên trong của hầm tự hoại gồm có 3 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng và ngăn lọc. Vai trò của từng ngăn như sau:

Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải.

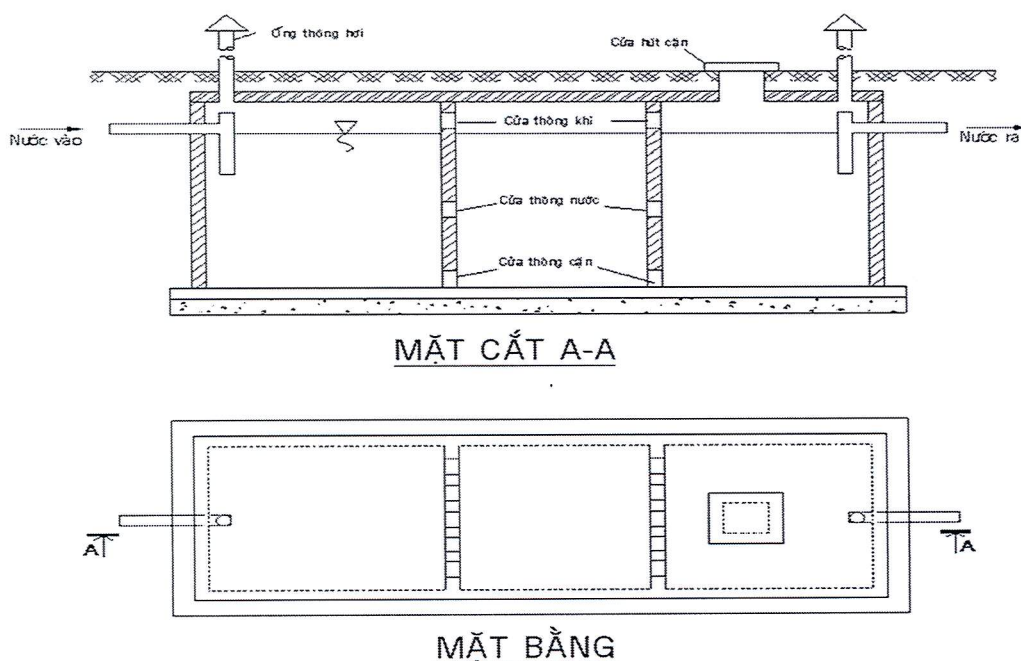
- Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như đá, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

Hầm tự hoại được vận hành theo công nghệ xử lý sinh học yếm khí nên trong quá trình sử dụng cơ sở đã áp dụng thực hiện:

- Lắp đặt ống thoát các chất khí sinh ra (H_2S , CO_2 , CH_4) tránh ăn mòn, phá hoại cấu kiện bê tông, cốt thép trong bể. Ống thoát khí được lựa chọn là ống nhựa uPVC $\Phi 90$;

- Không sử dụng các hóa chất (chất tẩy rửa, Chlorine) cho vào bể tự hoại sẽ làm chết hệ vi sinh yếm khí có trong bể, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý;

- Khi bể tự hoại đầy chất lắng đọng thì sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút ra ngoài.



Hình 1: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn

Nước thải sau hầm tự hoại được thuê đơn vị có chức năng hút hầm định kỳ (02 lần/năm), không thoát ra môi trường.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Máy móc hoạt động sử dụng điện, không sử dụng nhiên liệu xăng dầu nên không phát sinh bụi từ phương tiện sản xuất.

Đồng thời, khu vực nhà xưởng được che chắn nên giảm thiểu bụi phát sinh.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 02 kg/ngày; bố trí 03 sọt chứa để thu gom và hợp đồng đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý (Hợp đồng với HTX xây dựng – môi trường Trà Vinh).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chủ yếu là sắt vụn, tôn, bao bì): phát sinh khoảng 50 kg/tháng; thu gom, bố trí khu vực lưu chứa trong nhà xưởng (có mái che), định kỳ hàng tháng sẽ bán phế liệu.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Tại cơ sở, máy móc cho hoạt động sản xuất của cơ sở sử dụng điện năng; chỉ sử dụng dầu nhớt cho phương tiện vận chuyển, tuy nhiên hoạt động thay thế dầu nhớt thực hiện tại garage và không phát sinh dầu nhớt thải tại cơ sở. Tại cơ sở phát sinh bóng đèn thải, pin thải với khối lượng khoảng 1,5kg/năm.

Cơ sở sẽ thực hiện bố trí 02 thùng chứa riêng và lưu trữ. Cụ thể: 01 thùng nhựa 30 lít chứa bóng đèn thải và 01 thùng nhựa 30 lít chứa pin thải. Định kỳ cuối năm sẽ hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

+ Máy móc được bố trí đệm, gói kê nhằm hạn chế tiếng ồn khi vận hành.

+ Định kỳ hàng tháng thực hiện bôi trơn máy móc bằng dầu bôi trơn để hạn chế ma sát phát sinh tiếng ồn từ động cơ.

+ Nhà xưởng bố trí vách tôn che chắn kín, bố trí tôn bao quanh cao 04m.

+ Đảm bảo thời gian hoạt động của cơ sở vào ban ngày; không hoạt động vào ban đêm và buổi trưa (giờ nghỉ ngơi).

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Loại hình cơ sở có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ do hoạt động sử dụng điện năng cho các máy móc. Cơ sở trang bị 04 bình chữa cháy cầm tay để phòng ngừa sự cố.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không có.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Cơ sở định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút hầm (02 lần/năm), do đó cơ sở không đề nghị cấp phép đối với nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: từ máy móc sản xuất và phương tiện vận chuyển (ra- vào, đậu đỗ tại cơ sở).

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở bắt đầu hoạt động từ năm 2018 đến nay và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường.

Do đó, tính đến thời điểm hiện tại (tháng 3/2023), cơ sở không có số liệu quan trắc về nước thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Loại hình của cơ sở không phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Cơ sở đã phối hợp với đơn vị quan trắc thực hiện lấy mẫu không khí khu vực cơ sở vào ngày 09/03/2023, cụ thể như sau:

3.1. Thông tin về đơn vị quan trắc

- Tên đơn vị quan trắc: Trung tâm phân tích và đo đạc môi trường Phương Nam.

- Địa điểm: Văn phòng: Số 14, đường số 4, KDC Bình Hưng, xã Bình Hưng, Quận Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh; Trụ sở: số 15, Đoàn Thị Điểm, phường 4, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Chứng nhận: đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đơn vị đủ chức năng quan trắc môi trường (VIMCERTS 075).

Bảng 1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/ BTNMT
			XQ01	XQ02	
1	Tiếng ồn	dBA	68	65	70*
2	Bụi lơ lửng tổng số	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	110	95	300
3	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	74	63	200
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	90	72	350
5	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<4.500	<4.500	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- “*”: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Vị trí lấy mẫu:

+ XQ01: mẫu tại khu vực xưởng cán tôn.

+ XQ02: mẫu khu vực phía ngoài nhà xưởng

Nhận xét: Các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép quy chuẩn quy định (QCVN05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT). Loại hình dự án không phát sinh khí thải nên môi trường không khí khu vực cơ sở khá tốt, không bị tác động từ hoạt động sản xuất của cơ sở. Do đó có thể khẳng định, trong quá trình hoạt động thời gian qua, cơ sở không phát sinh nguồn thải gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.. Vì vậy, trong thời gian tới cơ sở sẽ tiếp tục duy trì các giải pháp đang thực hiện nhằm đảm bảo hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở kết quả quan trắc môi trường, đặc điểm công trình bảo vệ môi trường của cơ sở là hầm tự hoại, hầm lắng và quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động của cơ sở cụ thể như sau:

1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

1.1. Chương trình quan trắc môi trường nước thải định kỳ

Cơ sở định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút hầm (02 lần/năm), do đó cơ sở không đề xuất chương trình quan trắc môi trường nước thải định kỳ.

1.2. Chương trình quan trắc môi trường khí thải định kỳ: không có

2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Thực hiện chương trình quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung định kỳ

- Vị trí: 01 vị trí phía trước khu vực cơ sở tiếp giáp đường Nguyễn Thiện Thành

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng tổng số, NO₂, SO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: dự kiến khoảng 05 triệu đồng/năm.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở bắt đầu hoạt động từ năm 2018. Đến thời điểm hiện tại, cơ sở chưa vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Ngày 28/12/2022, Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/07/2022 của UBND huyện Châu Thành đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở và yêu cầu cơ sở khắc phục một số nội dung tồn tại về công tác bảo vệ môi trường, cụ thể đề nghị cơ sở như sau:

- Đề nghị cơ sở lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cấp huyện và hoàn thành đến tháng 12/2024.

- Thuê đơn vị có chức năng lấy mẫu tiếng ồn, bụi tại cơ sở trong vòng 20 ngày kể từ ngày lập Biên bản kiểm tra.

- Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại và xử lý theo đúng quy định đối với quản lý chất thải nguy hại.

- Thi công hệ thống thoát nước mưa không xả ra nhà dân.

- Xử lý rác thải công nghiệp cập bên nhà xưởng cơ sở.

Theo đó, cơ sở đã tổ chức thực hiện ngay các nội dung theo yêu cầu Biên bản và đã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện (đính kèm hình ảnh minh chứng) gửi về Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND.

Đến thời điểm hiện tại, cơ sở chưa vi phạm đến mức bị xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Qua nội dung thực hiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã nêu.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại: đảm bảo thực hiện thu gom, phân loại riêng, bố trí thiết bị lưu chứa và hợp đồng đơn vị chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý qua hầm tự hoại, hầm lắng và định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút hầm (02 lần/năm).

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

+ Cam kết đảm bảo phòng ngừa phòng cháy, chữa cháy.

+ Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường liên quan khi có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

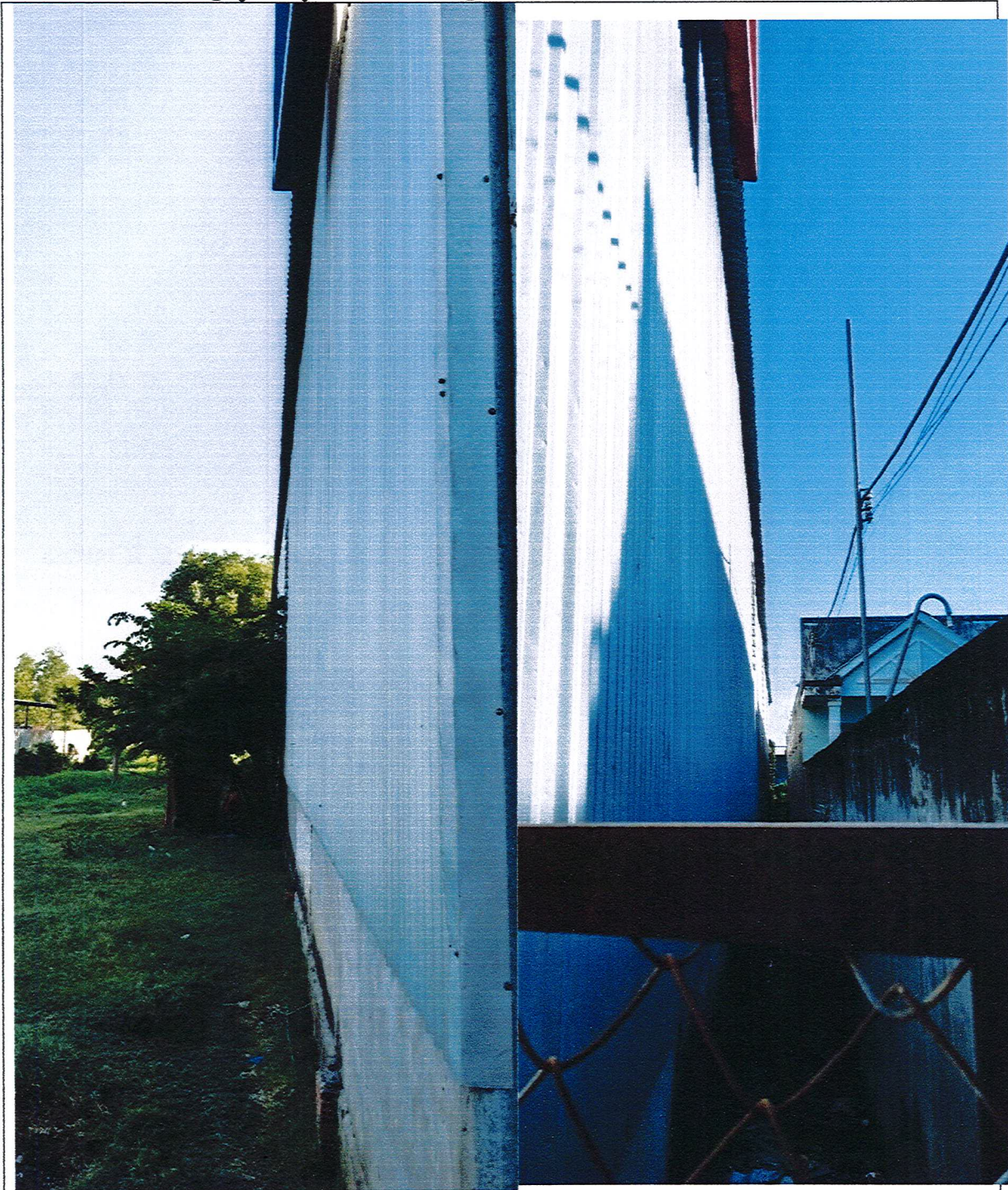
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở (Hợp đồng thuê);
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CƠ SỞ

* *Hiện trạng cơ sở đang hoạt động*

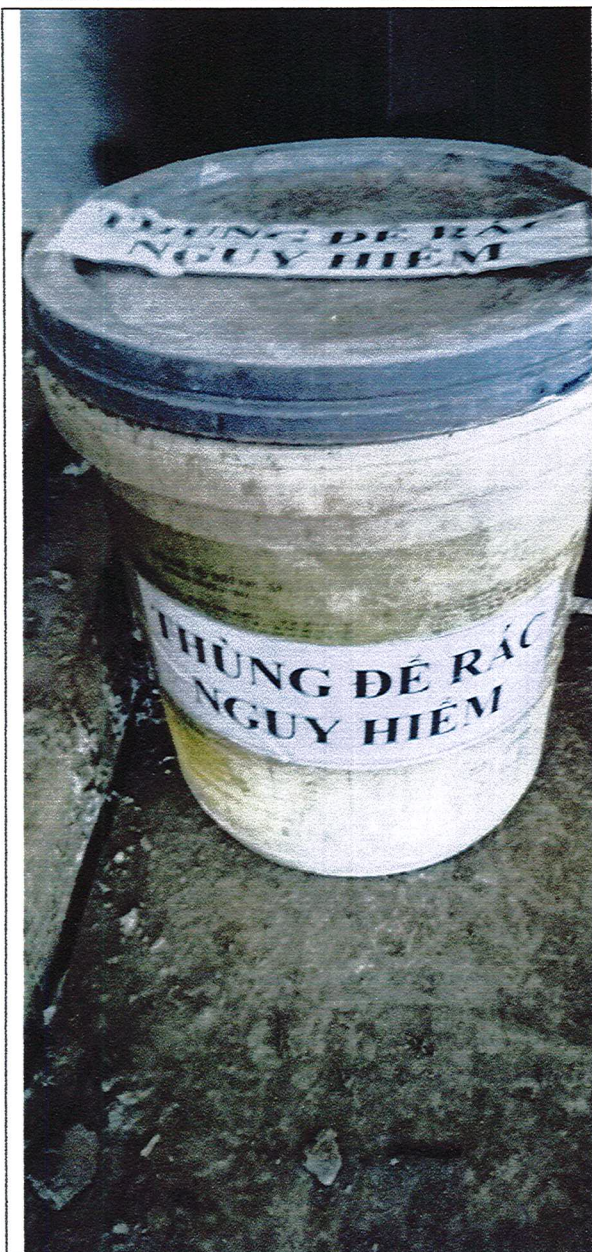


*** Hình ảnh việc đã khắc phục bổ sung các tồn tại và có báo cáo gửi về Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND.**



**Khu vực tập kết rác trước đây
(đã được thu dọn)**

**Khu vực thoát nước mưa về phía
sau**



Thùng chứa chất thải nguy hại



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiên)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0000514.23
MSM: PNE.23.0265.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : CỬA HÀNG TÔN ĐỨC ĐỊNH TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, Trà Vinh
Số lượng : 02 mẫu
Ngày nhận mẫu : 09/03/2023
Ngày trả kết quả : 16/03/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				XQ01	XQ02
1	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	110	95
2	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	90	72
3	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	74	63
4	CO	µg/m ³	HD12-KK-CO	< 4.500	< 4.500
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68	65

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực xưởng cán tôn;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực phía ngoài nhà xưởng;
- (-): Không quy định/Không phân tích;

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiên

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

SỐ: 58C8004246

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 7 năm 2018

1. Tên hộ kinh doanh: **ĐỨC ĐỊNH - TRÀ VINH**
2. Địa điểm kinh doanh: Ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: 0989801464 Fax:
Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh: THƯƠNG NGHIỆP (Mua bán vật liệu xây dựng và gia công cán tole).
4. Vốn kinh doanh: 300.000.000 đồng.

5. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh: **NGUYỄN VĂN TÁM** Giới tính: Nam
Sinh năm: 06/3/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 036078000840

Ngày cấp: 04/11/2015

Nơi cấp: Cục Trưởng cục cảnh sát ĐKQL
cư trú và DLQG về dân cư

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND)

Số giấy chứng thực cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn Phú Lễ, xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Chỗ ở hiện tại: Ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

6. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh (nếu có)

TT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị phần góp vốn (VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn	Số giấy CMND (chứng thực CN hợp pháp khác)	Ghi chú



Kỷ Thanh Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Số 01/HĐTQSĐĐ)

Căn cứ bộ luật dân sự năm 2005 của nước Cộng Hòa XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ nhu cầu thực tế của hai bên;

Hôm nay ngày 05 tháng 7 năm 2018 chúng tôi gồm:

Bên cho thuê (sau đây gọi là bên A).

Ông: **HUỖNH VĂN NHÂN** Sinh năm: 1964

Số chứng minh thư nhân dân: 334381141 cấp ngày 18/5/2012 tại Công an tỉnh Trà Vinh.

Và Vợ là Bà: **TRẦN THỊ NGỌC ĐIỆP** Sinh năm: 1964

Số chứng minh thư nhân dân: 334381142 cấp ngày 18/5/2012 tại Công An tỉnh Trà Vinh.

Cùng cư ngụ: Ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 01677510999

Bên thuê (sau đây gọi là bên B).

Ông: **NGUYỄN VĂN TÁM** Sinh năm: 1978

Số chứng minh nhân dân: 036078000840 cấp ngày 04/11/2015 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Quê quán: Hải Châu, Hải Hậu. Nam Định.

Điện thoại: 0989 801 464

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Thửa đất số: 921

- Tờ bản đồ số: 39

- Địa chỉ thửa đất: Tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Diện tích: 1.007 m² (Bằng chữ: Một ngàn, không trăm lẻ bảy mét vuông).

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 1.007 m²

+ Sử dụng chung: không m²

- Mục đích sử dụng: - Đất ở 342,0 m²; - Đất chuyên trồng lúa nước 665,0 m².

- Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất chuyên trồng lúa nước: 15/6/2068.



**LỜI CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀ LỢI**

Lời chứng thực hợp đồng: Thuê quyền sử dụng đất

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 (Bằng chữ: Ngày năm, tháng bảy, năm hai ngàn không trăm mười tám).

Tại UBND xã Hoà Lợi, tôi.....*Kiên Hoài Vũ*.....Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

CHỨNG THỰC:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

Bên A: Hộ Ông Huỳnh Văn Nhân, số CMND: 334381141

Bà Trần Thị Ngọc Điệp, số CMND: 334381142

Bên B: Ông Nguyễn Văn Tám, số CCCD:036078000840

- Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng, giao dịch;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia hợp đồng, giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, đã ký tên vào hợp đồng, giao dịch này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được làm thành 06 bản chính (mỗi bản chính gồm 05 tờ, 05 trang), giao cho:

+ Bên A 01 bản chính;

+ Bên B 01 bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân xã (01) một bản chính.

Số: *227*. quyền số 01/ 2017 - SCT/HĐ,GD.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018

CHỦ TỊCH



Kiên Hoài Vũ

- Nguồn gốc sử dụng: Được ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận.

- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): không

2. Thửa đất số : 919

- Tờ bản đồ số : 39

- Địa chỉ thửa đất: Tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Diện tích: 2.044 m² (Bằng chữ: Hai ngàn, không trăm bốn mươi bốn mét vuông).

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 2.044 m²

+ Sử dụng chung: không m²

- Mục đích sử dụng: Lúa

- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/6/2068

- Nguồn gốc sử dụng: Được ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận.

- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): không

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất của Hợp đồng này là: **10 năm**, kể từ ngày **22/7/2018** đến hết ngày **22/7/2028**.

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê toàn bộ quyền sử dụng đất là: **80.000.000 đồng/năm**
(Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn).
2. Phương thức thanh toán: Một năm một lần vào ngày 22/7 (dương lịch) hàng năm với số tiền là : **80.000.000 đồng** (Tám mươi triệu đồng chẵn).
3. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm Hợp đồng được ký kết.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ 3 đối với thửa đất, nếu có.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận;
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7 VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên thuê chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.



ĐIỀU 9
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4 Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

1.6 Không được bán hoặc tự ý cho bên thứ 3 thuê khi Hợp đồng thuê đất vẫn còn hiệu lực.

2. Bên B cam đoan:

2.1 Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật ;

2.2 Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

2.3 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4 Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

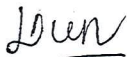
Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)



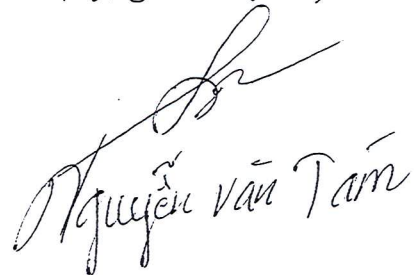
Phan Văn Khanh



Phan Thị Ngọc Diệp

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hòa Lợi, ngày...*22*...tháng 3 năm 2023

CAM KẾT
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỐI VỚI PHẦN ĐẤT CHO THUÊ ĐỂ THỰC HIỆN
CƠ SỞ “CỬA HÀNG ĐỨC ĐỊNH – TRÀ VINH”

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi

Tôi tên: Huỳnh Văn Nhân, sinh năm 1964. CCCD số: ...*0824.064.004.353*.....
do ...*Cục DLHC về TTXH*..... cấp ngày ...*17/6/2021*.....

Cùng vợ là Trần Thị Ngọc Diệp, sinh năm 1964. CCCD số: ...*0824.164.006.913*.....
do ...*Cục DLHC về TTXH*..... cấp ngày ...*17/6/2021*.....

Là chủ sử dụng của 02 thửa đất, cụ thể:

- Thửa đất số 921, tờ bản đồ số 39, địa điểm: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; diện tích: 1.007 m²; mục đích sử dụng: đất ở 342 m², đất chuyên trồng lúa nước 665,0 m².

- Thửa đất số 919, tờ bản đồ số 39, địa điểm: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; diện tích 2.044 m²; mục đích sử dụng đất trồng lúa.

Năm 2018, chúng tôi có cho ông Nguyễn Văn Tám (sinh năm 1978, CCCD: 036078000840 do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 04/11/2015) thuê theo Hợp đồng số 01/HĐTQSDĐ để thực hiện cơ sở “Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh” (Cơ sở đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch của UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 58C8004246, đăng ký lần đầu ngày 24/7/2018). Cơ sở “Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh” thực hiện xây dựng trên phạm vi 1.100 m² nằm trên 02 thửa đất thuê số 919, 921 cùng tờ bản đồ số 9.

Bằng văn bản này, chúng tôi cam kết sẽ liên hệ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (UBND huyện Châu Thành, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, UBND xã Hòa Lợi) để được hướng dẫn việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với phần đất cho thuê thực hiện Cơ sở “Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh”, cam kết sẽ thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với loại hình cơ sở theo đúng như hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước và hoàn thành chậm nhất đến quý 2/2024. Sau thời điểm trên, nếu chúng tôi chưa hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với loại hình cơ sở, cam kết sẽ chịu trách nhiệm pháp lý theo đúng quy định về đất đai.

Trân trọng kính gửi./.

Chúng tôi cùng thống nhất và ký cam kết thực hiện

CHỦ CƠ SỞ

“Cửa hàng Đức Định – Trà Vinh”

(Bên thuê)

Nguyễn Văn Tám

CHỦ THỬA ĐẤT

(Bên cho thuê)

Trần Thị Ngọc Diệp

Huỳnh Văn Nhân